

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

KỶ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI TP CẤP THCS

NĂM HỌC 2025 - 2026

BẢNG ĐIỂM THI VÀ KẾT QUẢ XẾP GIẢI  
MÔN: GDCD

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-SGDĐT ngày 24/01/2026)

*cau*

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THU/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
1	ĐỖ TUỆ	ANH	057 / 001271	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	9,70	
2	ĐÀM NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	058 / 001302	THCS Minh Tân	P. BẠCH ĐẰNG	9,70	
3	MAI BẢO	TRANG	062 / 001402	THCS Tô Hiệu	P. LÊ CHÂN	9,70	
4	LƯU THỊ THẢO	VÂN	063 / 001411	THCS Trường Thọ	X. AN TRƯỜNG	9,70	
5	PHAN LÊ	VY	063 / 001420	THCS Hoàng Diệu	P. LÊ CHÂN	9,70	
6	LÊ DIỆU	CHÂU	058 / 001290	THCS Đà Nẵng	P. NGÔ QUYẾN	9,55	
7	PHẠM THỊ KIM	CHI	058 / 001298	THCS Cấp Tiến - Bạch Đằng	X. TÂN MINH	9,55	
8	TRẦN THỊ PHƯƠNG	THÙY	062 / 001389	THCS Dũng Tiến	X. VINH THUẬN	9,55	
9	PHẠM THỊ MINH	ANH	098 / 002176	THCS Thanh Hải	X. HÀ TÂY	9,55	
10	NGUYỄN THỊ MAI	PHƯƠNG	102 / 002268	THCS Phú Thái	X. PHÚ THÁI	9,55	
11	TẶNG THỊ	DUYÊN	058 / 001301	TH-THCS Du Lễ	X. NGHI DƯƠNG	9,30	
12	NGUYỄN ANH	MINH	060 / 001351	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	9,30	
13	HOÀNG TUYẾT	VI	063 / 001413	THCS Lạc Viên	P. NGÔ QUYẾN	9,30	
14	NGUYỄN THỊ YẾN	VI	063 / 001415	THCS Thiên Hương	P. THIÊN HƯƠNG	9,30	
15	VŨ TƯỜNG	VY	063 / 001423	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	9,30	
16	LÊ THỊ HẢI	NINH	102 / 002264	THCS Phan Bội Châu	X. TỬ KỶ	9,30	
17	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	104 / 002299	THCS Thanh Miện	X. THANH MIỆN	9,30	
18	TRỊNH THỊ THÙY	DƯƠNG	058 / 001305	THCS Tiên Lãng	X. TIÊN LÃNG	9,25	
19	VŨ THÙY	DƯƠNG	099 / 002198	THCS Nguyễn Trãi	X. NAM SÁCH	9,25	
20	HOÀNG DIỆP	ANH	057 / 001272	THCS Tiên Thanh	X. TIÊN LÃNG	9,15	
21	NGUYỄN ÁNH	DƯƠNG	058 / 001304	THCS Lâm Động	P. THIÊN HƯƠNG	9,15	
22	PHẠM GIA	MINH	060 / 001352	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	9,15	
23	BÙI KHÔI	NGUYỄN	061 / 001362	THCS Đà Nẵng	P. NGÔ QUYẾN	9,15	
24	NGUYỄN HOÀNG HỒNG	PHÚC	061 / 001376	THCS Tiên Lãng	X. TIÊN LÃNG	9,15	
25	LÊ HUYỀN	TRANG	062 / 001401	THCS Hùng Thắng	X. HÙNG THẮNG	9,15	
26	NGUYỄN THỊ MAI	TRANG	062 / 001403	THCS Ngũ Đoan	X. KIẾN HUNG	9,15	
27	ĐỖ HẢI	YẾN	063 / 001424	THCS Nhân Hòa-Tam Đa	X. VINH BẢO	9,15	
28	BÙI THỊ LAN	ANH	098 / 002161	THCS Thượng Quận	P. TRẦN LIẾU	9,15	
29	NGUYỄN VŨ PHƯƠNG	ANH	098 / 002173	THCS Phả Lại	P. CHÍ LINH	9,15	
30	HOÀNG BẢO	NGỌC	102 / 002253	THCS Chí Minh	P. CHU VĂN AN	9,15	
31	ĐẶNG THÙY	TRANG	104 / 002296	THCS Phúc Thành	X. PHÚ THÁI	9,15	
32	VŨ THỊ ANH	THƯ	104 / 002293	THCS Thanh Tùng	X. NGUYỄN LƯƠNG BẰNG	9,10	
33	NGUYỄN CHÍ	BẢO	058 / 001286	THCS Nguyễn Bình Khiêm	X. VINH BẢO	9,05	
34	BÙI THỊ PHƯƠNG	LINH	059 / 001326	THCS Ngũ Lão	P. BẠCH ĐẰNG	9,05	
35	ĐÀO THỊ KHÁNH	NGỌC	061 / 001358	THCS Tân Dương	P. THỦY NGUYỄN	9,05	
36	ĐẶNG HƯƠNG	GIANG	099 / 002202	THCS Nguyễn Trãi	X. NAM SÁCH	9,05	
37	CAO HỒNG	ANH	057 / 001265	THCS Tiên Lãng	X. TIÊN LÃNG	9,00	
38	NGUYỄN THỊ	BÌNH	058 / 001289	THCS Ngũ Lão	P. BẠCH ĐẰNG	9,00	
39	NGÔ KHÁNH	CHI	058 / 001294	THCS Hồng Phong	P. AN PHONG	9,00	
40	GIANG YẾN	NHI	061 / 001366	THCS Quán Toan	P. HỒNG AN	9,00	
41	PHẠM YẾN	NHI	061 / 001369	THCS Nguyễn Bình Khiêm	X. VINH BẢO	9,00	
42	VŨ THỊ NGỌC	THẢO	062 / 001387	THCS Minh Đức	P. BẠCH ĐẰNG	9,00	
43	LẠI THANH	TRÚC	063 / 001407	THCS Tân Dương	P. THỦY NGUYỄN	9,00	
44	NGÔ THANH	TRÚC	063 / 001408	THCS Lạc Viên	P. NGÔ QUYẾN	9,00	
45	ĐỖ PHƯƠNG	VY	063 / 001417	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	9,00	
46	HỒ MINH	HÀNG	100 / 002211	THCS Lê Thanh Nghị	X. GIA LỘC	9,00	
47	NGUYỄN MAI	LINH	059 / 001332	THCS Đồng Hoà	P. KIẾN AN	8,95	

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THI/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
48	ĐOÀN QUỲNH	CHI	099 / 002185	THCS Nguyễn Trãi	X. NAM SÁCH	8,95	
49	NGUYỄN BẢO	ANH	057 / 001274	THCS An Dương	P. AN DƯƠNG	8,90	
50	ĐÀO HẢI	DƯƠNG	058 / 001303	THCS Bắc Hà	P. PHÙ LIẾN	8,90	
51	NGUYỄN THỊ	THANH	062 / 001384	THCS Kiến Phúc	X. NGHI DƯƠNG	8,90	
52	ĐỖ THỊ BẢO	AN	057 / 001262	THCS Hoàng Động	P. THIÊN HƯƠNG	8,85	
53	BÙI THỊNH	HÙNG	059 / 001317	THCS Chu Văn An	P. GIA VIÊN	8,85	
54	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	LINH	060 / 001334	THCS Kiến Phúc	X. NGHI DƯƠNG	8,85	
55	TRẦN THANH	MAI	060 / 001349	THCS Đăng Lâm	P. HẢI AN	8,85	
56	VŨ THỊ YẾN	NHI	061 / 001372	THCS Lê Chân	P. AN BIÊN	8,85	
57	VŨ THỊ THU	TRANG	063 / 001406	THCS Dương Quan	P. THỦY NGUYÊN	8,85	
58	TRẦN KHÁNH	CHI	099 / 002189	THCS Minh Tân	P. NHỊ CHIẾU	8,85	
59	ĐINH NGỌC	DIỆP	099 / 002193	THCS Bình Hàn	P. THÀNH ĐÔNG	8,85	
60	ĐỖ THỊ VÂN	GIANG	100 / 002203	THCS Chu Văn An	X. THANH HÀ	8,85	
61	PHẠM THỊ	HƯƠNG	101 / 002225	THCS Hưng Thái	X. HỒNG CHÂU	8,85	
62	TRẦN THỊ MAI	PHƯƠNG	103 / 002273	THCS Việt Hòa	P. VIỆT HOÀ	8,85	
63	PHẠM PHƯƠNG	THẢO	103 / 002286	THCS Vũ Hữu	X. ĐƯỜNG AN	8,85	
64	ĐỖ THỊ BẢO	TRANG	104 / 002297	THCS Thái Dương	X. THƯỢNG HỒNG	8,85	
65	NGUYỄN NGỌC THANH	VÂN	104 / 002307	THCS Lê Thanh Nghị	X. GIA LỘC	8,85	
66	PHẠM NGUYỄN BÌNH	AN	098 / 002159	THCS Thanh Hồng	X. HÀ ĐÔNG	8,80	
67	NGUYỄN THỊ XUÂN	MAI	101 / 002243	THCS Tân Dân	P. LÊ ĐẠI HÀNH	8,80	
68	PHẠM TRẦN LINH	LINH	060 / 001336	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	8,75	
69	HOÀNG PHƯƠNG	VY	063 / 001418	THCS Hòa Bình	P. HÒA BÌNH	8,75	
70	NGUYỄN THỊ	HẠNH	100 / 002207	THCS Thanh Lang	X. HÀ NAM	8,75	
71	HUỲNH PHẠM TRÚC	LY	101 / 002241	THCS Đức Xương	X. TRƯỜNG TÂN	8,75	
72	AN THỦY	TIẾN	104 / 002294	THCS Tứ Cường	X. THANH MIỆN	8,75	
73	NGUYỄN PHÚ	HÙNG	059 / 001318	THCS Lê Chân	P. AN BIÊN	8,70	
74	ĐỖ HÀ NGUYỆT	MINH	060 / 001350	THCS Nguyễn Bình Khiêm	X. VINH BẢO	8,70	
75	TẶNG NHẬT	MINH	060 / 001353	THCS Lạc Viên	P. NGÔ QUYẾN	8,70	
76	BÙI THỊ HUYỀN	TRANG	062 / 001399	THCS Trần Nhật Duật	P. BẠCH ĐẰNG	8,70	
77	NGUYỄN THU	HOÀI	100 / 002215	THCS Nghĩa An	X. VINH LAI	8,70	
78	NGUYỄN NGỌC	LAM	101 / 002229	THCS Tân Dân	P. LÊ ĐẠI HÀNH	8,70	
79	PHAN LÊ KHÁNH	LINH	101 / 002235	THCS Phan Bội Châu	X. TỬ KÝ	8,70	
80	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	102 / 002251	THCS Nhân Quyền	X. NGUYỄN LƯƠNG BẰNG	8,70	
81	LƯƠNG NGUYỄN HÀ	PHƯƠNG	102 / 002266	THCS Đông Cẩm	X. KIM THÀNH	8,70	
82	PHẠM THÙY	TRANG	104 / 002301	THCS Chu Văn An	X. THANH HÀ	8,70	
83	NGUYỄN THỊ THÙY	AN	057 / 001263	THCS Lại Xuân	X. VIỆT KHÉ	8,65	
84	PHẠM KIỀU	TRANG	062 / 001405	THCS Giang Biên	X. VINH THUẬN	8,65	
85	PHẠM NGỌC	CHÂU	099 / 002184	THCS Chu Văn An	P. TRẦN HUNG ĐẠO	8,65	
86	NGUYỄN THỊ MINH	ÁNH	057 / 001285	THCS Nguyễn Bình Khiêm	X. VINH BẢO	8,60	
87	BÙI THỊ MINH	HẰNG	059 / 001312	THCS Lê Ích Mịch	P. THỦY NGUYÊN	8,60	
88	HOÀNG THU	HƯƠNG	059 / 001320	THCS Đại Đông - Đông Phương	X. KIẾN MINH	8,60	
89	MẠC ĐĂNG	KHÔI	059 / 001322	THCS Lạc Viên	P. NGÔ QUYẾN	8,60	
90	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	LY	060 / 001344	THCS Nguyễn Bình Khiêm	X. VINH BẢO	8,60	
91	ĐẶNG TƯỜNG	VY	063 / 001416	THCS Lạc Viên	P. NGÔ QUYẾN	8,60	
92	NGUYỄN MAI	ANH	098 / 002168	THCS Phả Lại	P. CHÍ LINH	8,60	
93	TRẦN NGUYỄN VÂN	KHÁNH	101 / 002228	THCS Ngọc Châu	P. HẢI DƯƠNG	8,60	
94	NGUYỄN YẾN	NHI	102 / 002262	THCS Vũ Hữu	X. ĐƯỜNG AN	8,60	
95	NGUYỄN THỊ MAI	QUỲNH	103 / 002275	THCS An Bình	X. AN PHÚ	8,60	
96	BÙI QUANG	THÀNH	103 / 002283	THCS Tứ Minh	P. TỬ MINH	8,60	
97	VŨ PHƯƠNG	THẢO	103 / 002287	THCS An Lâm	X. AN PHÚ	8,60	
98	VŨ ANH	THƯ	104 / 002292	THCS Phạm Sư Mạnh	P. KINH MÓN	8,60	
99	NGUYỄN QUỲNH	CHI	099 / 002186	THCS Tứ Minh	P. TỬ MINH	8,55	
100	VŨ THÙY	CHI	058 / 001299	THCS Minh Tân	P. BẠCH ĐẰNG	8,50	

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THI/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
101	NGUYỄN THỊ ANH	THỨ	062 / 001395	THCS Tiên Lãng	X. TIÊN LÃNG	8,50	
102	VŨ VIỆT	BÁCH	099 / 002181	THCS Vũ Hữu	X. ĐƯƠNG AN	8,50	
103	ĐÌNH THỊ THANH	HUYỀN	100 / 002219	THCS Thanh Miện	X. THANH MIỆN	8,50	
104	NGUYỄN QUỲNH	NGA	102 / 002250	THCS Nam Trung	X. TRẦN PHÚ	8,50	
105	NGUYỄN MINH	VŨ	104 / 002309	THCS Phú Thứ	P. NHỊ CHIẾU	8,50	
106	ĐỖ MINH	ANH	057 / 001270	THCS Ngô Gia Tự	P. HỒNG BÀNG	8,45	
107	PHẠM THẾ	ANH	057 / 001281	THCS Minh Đức	P. BẠCH ĐĂNG	8,45	
108	PHẠM LINH	ĐAN	058 / 001306	THCS Hoa Động	P. THỦY NGUYỄN	8,45	
109	ĐOÀN KHÁNH	NGỌC	061 / 001359	THCS Hồng Bàng	P. HỒNG BÀNG	8,45	
110	NGUYỄN MAI	QUỲNH	061 / 001381	THCS Trường Thọ	X. AN TRƯỜNG	8,45	
111	ĐÀM THỊ MINH	THỨ	062 / 001393	THCS Hợp Đức	P. NAM ĐỒ SƠN	8,45	
112	TRẦN THỊ THẢO	VY	063 / 001422	THCS Dũng Tiến	X. VINH THUẬN	8,45	
113	TRẦN NGỌC	ÁNH	098 / 002180	THCS Phú Thứ	P. NHỊ CHIẾU	8,45	
114	NGÔ THANH	HUẾ	100 / 002217	THCS Lê Ninh	P. BẮC AN PHỤ	8,45	
115	MẠC THỊ ÁNH	HUYỀN	100 / 002221	THCS Bình Hàn	P. THÀNH ĐÔNG	8,45	
116	PHẠM NGỌC	TRÂM	104 / 002304	THCS Nguyễn Giáp	X. NGUYỄN GIÁP	8,45	
117	HOÀNG QUỲNH	HƯƠNG	059 / 001319	THCS Hồng Bàng	P. HỒNG BÀNG	8,40	
118	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	102 / 002261	THCS Phương Kỳ	X. LẠC PHƯỢNG	8,40	
119	ĐÌNH NGUYỄN MINH	PHƯƠNG	102 / 002265	THCS Cẩm Thượng	P. THÀNH ĐÔNG	8,40	
120	PHẠM THỊ	QUỲNH	103 / 002276	THCS Việt Hồng	X. HÀ BẮC	8,40	
121	CHU MINH	THANH	103 / 002281	THCS Nam Đông	P. NAM ĐÔNG	8,40	
122	NGUYỄN MẠNH	THÀNH	103 / 002284	THCS Văn Tố	X. CHÍ MINH	8,40	
123	BÙI THỊ THANH	THẢO	103 / 002285	THCS Tân Hương	X. VINH LẠI	8,40	
124	LÊ HƯƠNG NGỌC	ANH	057 / 001273	THCS Liên Khê	P. LƯU KIỂM	8,35	
125	ĐỖ HƯƠNG	GIANG	058 / 001307	TH-THCS Lê Khắc Cẩn	X. AN HUNG	8,35	
126	PHẠM THỦY	NGÂN	060 / 001356	THCS Việt Tiến-Trung Lập	X. VINH THỊNH	8,35	
127	LÊ BẢO	SÂM	062 / 001382	THCS Chính Mỹ	P. LÊ ÍCH MỘC	8,35	
128	ĐOÀN THỊ TRÂM	ANH	098 / 002163	THCS Thống Nhất	X. YẾT KIỆU	8,35	
129	NGUYỄN LINH	NGA	102 / 002249	THCS Dân Chủ	X. TÂN KỶ	8,35	
130	CHU HẢI THỰC	LÂM	059 / 001324	THCS Hồng Bàng	P. HỒNG BÀNG	8,30	
131	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	NHI	061 / 001367	TH-THCS Tân Phong	X. KIẾN HẢI	8,30	
132	LƯƠNG THÙY	NHIÊN	061 / 001373	THCS Tam Cường	X. VINH AM	8,30	
133	BÙI THỊ ANH	THỨ	062 / 001392	THCS Lại Xuân	X. VIỆT KHÊ	8,30	
134	MAI THANH	ĐƯỢC	099 / 002201	THCS Mạc Thị Bưởi	X. HỢP TIẾN	8,30	
135	NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	100 / 002222	THCS Bạch Đằng	P. BẮC AN PHỤ	8,30	
136	TRẦN DIỆU	LINH	101 / 002236	THCS Nghĩa An	X. VINH LẠI	8,30	
137	TRẦN PHƯƠNG	NGUYỄN	102 / 002255	THCS Mạc Thị Bưởi	X. HỢP TIẾN	8,30	
138	TRẦN ANH	QUỐC	103 / 002274	THCS Thái Thịnh	P. NGUYỄN ĐẠI NĂNG	8,30	
139	NGUYỄN ANH	THỨ	103 / 002290	THCS Chu Văn An	P. TRẦN HUNG ĐẠO	8,30	
140	LƯƠNG DIỆU	LINH	059 / 001328	THCS Thị Trấn Núi Đồi	X. KIẾN THỤY	8,25	
141	PHẠM THUY	NGA	060 / 001354	THCS Lý Học - Liên Am - Cao Minh	X. NGUYỄN BÌNH KHIÊM	8,25	
142	ĐỖ PHƯƠNG	LINH	101 / 002231	THCS Cao An	P. VIỆT HOÀ	8,25	
143	PHẠM THỊ KHÁNH	LINH	101 / 002234	THCS Thanh Hải	X. HÀ TÂY	8,25	
144	NGUYỄN THÙY	PHƯƠNG	103 / 002269	THCS Bình Minh	P. LÊ THANH NGHỊ	8,25	
145	NGUYỄN NGỌC	ÁNH	057 / 001284	THCS Hợp Đức	P. NAM ĐỒ SƠN	8,20	
146	TRẦN NGỌC	LƯU	060 / 001342	THCS Đại Bản	P. HỒNG AN	8,20	
147	MAI THỊ XUÂN	QUỲNH	061 / 001380	THCS Ngô Quyền	P. LÊ CHÁN	8,20	
148	NGUYỄN VŨ QUỲNH	ANH	098 / 002174	THCS Võ Thị Sáu	P. LÊ THANH NGHỊ	8,20	
149	HOÀNG THẢO	MAI	101 / 002242	THCS Hiệp Hòa	P. TRẦN LIẾU	8,20	
150	TRẦN BẢO	LÂM	059 / 001325	THCS Hoàng Diệu	P. LÊ CHÁN	8,15	
151	DƯƠNG THỊ MINH	NGUYỆT	061 / 001363	THCS Trường Thọ	X. AN TRƯỜNG	8,15	
152	VŨ HÀ	NHI	061 / 001370	THCS Tiên Thắng - Toàn Thắng	X. TIÊN MINH	8,15	
153	HỨA THỊ PHƯƠNG	ANH	098 / 002165	THCS Kim Liên	X. PHÚ THÁI	8,15	

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THI/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
154	NGUYỄN HIỀN	ANH	098 / 002166	THCS Lê Thanh Nghị	X. GIA LỘC	8,15	
155	TRIỆU VŨ BẢO	LINH	101 / 002237	THCS Thành Nhân	X. NINH GIANG	8,15	
156	NGUYỄN TRÀ	MY	102 / 002247	THCS Định Sơn	X. CẨM GIANG	8,15	
157	NGÔ PHƯƠNG	NGỌC	102 / 002254	THCS Việt Hồng	X. HÀ BẮC	8,15	
158	NGUYỄN THỊ MAI	TRANG	104 / 002300	THCS Chí Minh	P. CHU VĂN AN	8,15	
159	LÊ HÀ	VY	104 / 002310	THCS Phan Bội Châu	X. TỨ KỶ	8,15	
160	PHẠM QUỐC	VIỆT	104 / 003036	THCS Thăng Long	X. NAM AN PHỤ	8,15	
161	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	098 / 002169	THCS Hiến Thành	P. NGUYỄN ĐẠI NẮNG	8,10	
162	PHẠM NGỌC	DIỆP	099 / 002194	THCS Cổ Bi	X. BÌNH GIANG	8,10	
163	BÙI ÁNH	HỒNG	100 / 002216	THCS Kiến Quốc	X. KHÚC THỪA DỤ	8,10	
164	HOÀNG KHÁNH	LINH	101 / 002232	THCS Thái Dương	X. THƯỢNG HỒNG	8,10	
165	TRẦN THỊ NGỌC	MAI	101 / 002244	THCS Cẩm Giang	X. CẨM GIANG	8,10	
166	VŨ HÀ	TRANG	104 / 002302	THCS Yết Kiêu	X. YẾT KIÊU	8,10	
167	TRẦN NGỌC PHƯƠNG	ANH	057 / 001283	THCS An Lư	P. HÒA BÌNH	8,05	
168	ĐÀO NGỌC	BÍCH	058 / 001287	THCS Kiến Phúc	X. NGHI DƯƠNG	8,05	
169	NGUYỄN MINH	NGUYỆT	061 / 001364	THCS Nguyễn Bình Khiêm	X. VINH BẢO	8,05	
170	VŨ HOÀNG YẾN	NHI	061 / 001371	THCS Quán Toan	P. HỒNG AN	8,05	
171	NGUYỄN LÊ NGỌC	BÍCH	099 / 002182	THCS Thanh Hồng	X. HÀ ĐÔNG	8,05	
172	NGUYỄN VĂN	ĐẠT	099 / 002199	THCS Đồng Tâm	X. NINH GIANG	8,05	
173	PHẠM HOÀNG	HẢO	100 / 002209	THCS Thượng Vũ	X. LAI KHÊ	8,05	
174	LIÊU TRÚC	LÂM	101 / 002230	THCS Kim Tân	X. AN THÀNH	8,05	
175	LÃ THỊ PHƯƠNG	LINH	101 / 002233	THCS Cẩm Diên	X. MAO ĐIỂN	8,05	
176	NGUYỄN THÀNH	LUÂN	101 / 002239	THCS Cộng Hòa	P. TRẦN HUNG ĐẠO	8,05	
177	DƯƠNG TUẤN	MINH	101 / 002245	THCS Hiệp Sơn	P. PHẠM SƯ MẠNH	8,05	
178	TRẦN THỊ MINH	THỨ	104 / 002291	THCS Lê Hồng	X. BẮC THANH MIỆN	8,05	
179	NGUYỄN BẢO	TRÚC	104 / 002305	THCS Cẩm Văn	X. TUỆ TỈNH	8,05	
180	NGUYỄN NHẬT MINH	ANH	057 / 001278	THCS Nhân Hòa-Tam Đa	X. VINH BẢO	8,00	
181	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	057 / 001279	THCS Bắc Sơn	P. KIẾN AN	8,00	
182	PHẠM KHÁNH	CHI	058 / 001296	THCS Nam Hải	P. ĐÔNG HẢI	8,00	
183	PHẠM QUỲNH	GIANG	058 / 001308	THCS Chu Văn An	P. GIA VIÊN	8,00	
184	LÊ NGUYỄN GIA	HÂN	059 / 001313	THCS Đà Nẵng	P. NGÔ QUYẾN	8,00	
185	ĐỖ THỊ TUYẾT	MAI	060 / 001346	THCS Tam Cường	X. VINH AM	8,00	
186	VŨ PHƯƠNG	NGA	060 / 001355	THCS Kiến Thiết	X. TÂN MINH	8,00	
187	ONG HÀ	PHƯƠNG	061 / 001378	THCS Lê ích Mộc	P. THỦY NGUYỄN	8,00	
188	TRẦN HOÀNG THẢO	VY	063 / 001421	THCS Lê Lợi	P. HẢI AN	8,00	
189	NGUYỄN THU	HÀ	100 / 002205	THCS Tân Phong	X. TÂN AN	8,00	
190	ĐỖ THANH	HÀNG	100 / 002210	TH&THCS Hoàng Tân	P. TRẦN NHÂN TÔNG	8,00	
191	ĐỖ DIÊN	KHÁNH	101 / 002227	THCS Võ Thị Sáu	P. LÊ THANH NGHỊ	8,00	
192	NGUYỄN VĂN	THẮNG	103 / 002288	THCS Thăng Long	X. NAM AN PHỤ	8,00	
193	PHẠM NGỌC THANH	MAI	060 / 001348	THCS Ngô Quyền	P. LÊ CHÂN	7,95	
194	BÙI PHƯƠNG	AN	098 / 002157	THCS Văn Giang	X. HỒNG CHÂU	7,95	
195	PHẠM GIA	AN	098 / 002158	THCS Ngọc Châu	P. HẢI DƯƠNG	7,95	
196	ĐẶNG THU	HUYỀN	100 / 002218	THCS Hồng Đức	X. TÂN AN	7,95	
197	TRẦN THÁI NAM	PHƯƠNG	103 / 002272	THCS An Bình	X. AN PHỤ	7,95	
198	ĐÀO QUỲNH	ANH	057 / 001268	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	7,90	
199	NGUYỄN THỊ	BÌNH	058 / 001288	THCS Bắc Sơn	P. AN DƯƠNG	7,90	
200	BÙI PHƯƠNG	MAI	060 / 001345	THCS Đồng Minh	X. VINH HẢI	7,90	
201	NGUYỄN YẾN	NHI	102 / 002263	THCS Đoàn Kết	X. HẢI HUNG	7,90	
202	PHẠM TRƯỜNG	SINH	103 / 002277	THCS Lê Hồng	X. BẮC THANH MIỆN	7,90	
203	NGUYỄN THỊ BẢO	TRÂM	104 / 002303	THCS Nam Trung	X. TRẦN PHÚ	7,90	
204	ĐOÀN PHƯƠNG	ANH	057 / 001269	THCS Trần Văn Ôn	P. HỒNG BĂNG	7,85	
205	NGUYỄN PHƯƠNG	UYÊN	063 / 001410	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	7,85	
206	HOÀNG BẢO	ANH	098 / 002164	THCS Võ Thị Sáu	P. LÊ THANH NGHỊ	7,85	

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THI/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
207	NGUYỄN MẠNH	CƯỜNG	099 / 002190	THCS Kim Tân	X. AN THÀNH	7,85	
208	NGUYỄN THỊ HÀ	PHƯƠNG	102 / 002267	THCS Hồng Phong	X. KHÚC THỪA DỤ	7,85	
209	NGÔ VŨ HÀ	LINH	059 / 001329	THCS Chu Văn An	P. GIA VIÊN	7,80	
210	NGUYỄN HÀ	LINH	059 / 001330	THCS Mỹ Đức	X. AN KHÁNH	7,80	
211	NGUYỄN NGỌC	ÁNH	098 / 002178	THCS Hưng Đạo	X. ĐẠI SƠN	7,80	
212	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	100 / 002213	THCS Ngọc Liên	X. CẨM GIANG	7,80	
213	TRƯƠNG MẠNH	NAM	102 / 002248	THCS Tân Hưng	P. TÂN HƯNG	7,80	
214	TRẦN KIỀU	ANH	057 / 001282	THCS Anh Dũng	P. HÙNG ĐẠO	7,75	
215	NGUYỄN THỊ THANH	HIỀN	059 / 001315	THCS Tràng Cát	P. HẢI AN	7,75	
216	PHẠM NGUYỄN MINH	NGỌC	061 / 001361	THCS Đại Bản	P. HỒNG AN	7,75	
217	PHẠM MINH	PHƯƠNG	061 / 001379	THCS Hồng Thái	P. AN HẢI	7,75	
218	ĐẶNG THỊ MINH	TÂM	062 / 001383	THCS Nam Hà	P. KIẾN AN	7,75	
219	PHẠM ANH	THƯ	062 / 001396	THCS Hồng Bàng	P. HỒNG BÀNG	7,75	
220	ĐINH LÊ KHÁNH	THY	062 / 001398	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	7,75	
221	VŨ THỊ BẢO	AN	098 / 002160	THCS Chi Lăng Bắc	X. NAM THANH MIỀN	7,75	
222	LÊ NGỌC LINH	NHI	102 / 002258	THCS Thống Nhất	X. YẾT KIỆU	7,75	
223	CAO ANH	THƯ	103 / 002289	THCS Kê Sắt	X. KÊ SẮT	7,75	
224	PHẠM HỒNG	HÀ	059 / 001311	THCS Lương Khánh Thiện	P. PHÚ LIÊN	7,70	
225	PHÙNG KHÁNH	LINH	060 / 001337	THCS Chu Văn An	P. GIA VIÊN	7,70	
226	TÔ KHÁNH	LINH	060 / 001338	THCS Tân Tiến	P. AN DƯƠNG	7,70	
227	BÙI THU	TRANG	062 / 001400	THCS Lương Khánh Thiện	X. AN LÃO	7,70	
228	NGUYỄN THUỶ	TRANG	062 / 001404	THCS Hồng Phong	P. AN PHONG	7,70	
229	NGUYỄN QUỲNH	ANH	098 / 002170	THCS Tân Trường	X. MAO ĐIỂN	7,70	
230	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	098 / 002179	THCS Thanh Xuân	X. HÀ NAM	7,70	
231	PHAN NGỌC	DIỆP	099 / 002195	THCS Kê Sắt	X. KÊ SẮT	7,70	
232	NGUYỄN ANH	MINH	101 / 002246	THCS Ngọc Liên	X. CẨM GIANG	7,70	
233	NGUYỄN THỊ THU	TRÀ	104 / 002295	THCS Đồng Cẩm	X. KIM THÀNH	7,70	
234	VŨ KIỀU	VÂN	104 / 002308	THCS Chi Lăng Bắc	X. NAM THANH MIỀN	7,70	
235	NGUYỄN NGỌC	ANH	057 / 001276	THCS Tràng Cát	P. HẢI AN	7,65	
236	PHẠM KHÁNH	LINH	060 / 001335	THCS Võ Thị Sáu	P. AN BIÊN	7,65	
237	NGUYỄN THỊ VÂN	NHI	061 / 001368	THCS An Hòa	X. VINH HÒA	7,65	
238	PHẠM THỊ LAN	ANH	098 / 002175	THCS Tiên Động	X. LẠC PHƯỢNG	7,65	
239	VŨ HỮU TUẤN	ANH	098 / 002177	THCS Cẩm Giang	X. CẨM GIANG	7,65	
240	DƯƠNG THỊ THU	HƯƠNG	100 / 002224	THCS Phạm Sư Mạnh	P. KINH MÓN	7,65	
241	NGUYỄN QUỲNH	ANH	057 / 001280	THCS Hòa Nghĩa	P. DƯƠNG KINH	7,60	
242	TRẦN HƯƠNG	GIANG	058 / 001309	THCS Ngô Quyền	P. LÊ CHÂN	7,60	
243	NGUYỄN BẢO	HÂN	059 / 001314	THCS Trần Văn Ôn	P. HỒNG BÀNG	7,60	
244	NGUYỄN KHÁNH	LINH	059 / 001331	THCS Đại Bản	P. HỒNG AN	7,60	
245	BÙI CẨM	LY	060 / 001343	TH-THCS Thụy Hương	X. KIẾN THUY	7,60	
246	ĐỖ ANH	NGỌC	061 / 001360	THCS Hòa Nghĩa	P. DƯƠNG KINH	7,60	
247	NGUYỄN MINH	THỦY	062 / 001390	THCS Vinh An-Tân Liên	X. VINH THUẬN	7,60	
248	HÀ ANH	THƯ	062 / 001394	THCS Võ Thị Sáu	P. AN BIÊN	7,60	
249	ĐỖ KHÁNH	LY	101 / 002240	TH&THCS Hoàng Tân	P. TRẦN NHÂN TÔNG	7,60	
250	PHÙNG THỊ MAI	PHƯƠNG	103 / 002271	THCS Đoàn Thượng	X. GIA PHÚC	7,60	
251	NGUYỄN HOÀNG	YẾN	104 / 002311	THCS An Sơn	X. THÁI TÂN	7,60	
252	DƯƠNG MINH	ANH	057 / 001266	THCS Lương Khánh Thiện	X. AN LÃO	7,55	
253	NGUYỄN THIÊN	NGHĨA	060 / 001357	THCS Tự Cường	X. QUYẾT THẮNG	7,55	
254	TẠ THANH	THỨY	062 / 001391	THCS Tô Hiệu	P. LÊ CHÂN	7,55	
255	NGUYỄN THỦY	TRÚC	063 / 001409	THCS Việt Tiến-Trung Lập	X. VINH THỊNH	7,55	
256	NGUYỄN THẢO	VÂN	063 / 001412	THCS Đồng Minh	X. VINH HẢI	7,55	
257	NGUYỄN HOÀNG	ANH	098 / 002167	THCS Nguyễn Trãi	P. NGUYỄN TRÃI	7,55	
258	PHẠM THỊ BẢO	CHÂM	099 / 002183	THCS An Thanh	X. CHÍ MINH	7,55	
259	BÙI CÔNG HẢI	ĐẶNG	099 / 002200	THCS Bình Minh	P. LÊ THANH NGHỊ	7,55	

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THI/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
260	NGUYỄN THU	NGÂN	102 / 002252	THCS Bình Minh	P. LÊ THANH NGHỊ	7,55	
261	NGUYỄN THỊ LINH	NHI	102 / 002259	THCS Cẩm Phúc	X. MAO ĐIỂN	7,55	
262	PHẠM THANH	PHƯƠNG	103 / 002270	THCS Dân Chủ	X. TÂN KỶ	7,55	
263	HOÀNG ÁNH	KIM	059 / 001323	THCS Đại Hợp	X. KIẾN HẢI	7,50	
264	NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	061 / 001375	THCS Nam Hải	P. ĐÔNG HẢI	7,50	
265	TRẦN KHÁNH	HƯƠNG	101 / 002226	THCS Thành Nhân	X. NINH GIANG	7,50	
266	DƯƠNG MAI PHÚC	UYẾN	104 / 002306	THCS Nguyễn Trãi	P. NGUYỄN TRÃI	7,50	
267	NGUYỄN THỊ HUYỀN	CHI	058 / 001295	THCS Nguyễn Văn Cừ	P. HÒA BÌNH	7,45	
268	VŨ MINH	GIANG	059 / 001310	THCS Đăng Lâm	P. HẢI AN	7,45	
269	TRẦN UYÊN	LINH	060 / 001340	THCS Trần Phú	P. PHỦ LIẾN	7,45	
270	LÊ VŨ THẢO	VY	063 / 001419	TH-THCS Quang Hưng	X. AN QUANG	7,45	
271	NGÔ GIA	HÂN	100 / 002212	THCS Phạm Thái	P. PHẠM SỰ MẠNH	7,45	
272	ĐẶNG ANH	TÀI	103 / 002278	THCS Dân Chủ	X. TÂN KỶ	7,45	
273	TRẦN THỊ MINH	TÂM	103 / 002279	THCS Ngô Quyền	X. HẢI HUNG	7,45	
274	TRẦN HÀ	LINH	060 / 001339	THCS Nam Hải	P. ĐÔNG HẢI	7,40	
275	LÊ PHẠM BẢO	VI	063 / 001414	THCS Lê Chân	P. AN BIÊN	7,40	
276	NGÔ HẢI	YẾN	063 / 001426	THCS Quảng Thanh	P. LÊ ÍCH MỘC	7,40	
277	BÙI THỊ PHƯƠNG	ANH	098 / 002162	THCS Ngọc Châu	P. HẢI DƯƠNG	7,40	
278	VŨ HOÀNG PHƯƠNG	DANH	099 / 002191	THCS Cẩm Vũ	X. TUỆ TÍNH	7,40	
279	NGUYỄN THANH	HÀ	100 / 002204	THCS Hồng Hưng	X. GIA PHÚC	7,40	
280	VŨ THỊ NGÂN	HÀ	100 / 002206	THCS Cổ Bi	X. BÌNH GIANG	7,40	
281	NGUYỄN NGỌC	HOA	100 / 002214	THCS Hưng Đạo	X. ĐẠI SƠN	7,40	
282	ĐÀO VŨ TUỆ	LINH	059 / 001327	THCS Thái Sơn	X. AN KHÁNH	7,35	
283	NGUYỄN MINH	NHẬT	102 / 002256	THCS Chu Văn An	X. THANH HÀ	7,35	
284	LÊ THỊ ĐOAN	TRANG	104 / 002298	THCS Tứ Minh	P. TỬ MINH	7,35	
285	NGUYỄN HẢI	ANH	057 / 001275	THCS Hữu Bằng	X. KIẾN THỤY	7,30	
286	NGUYỄN THỊ MỸ	CHI	099 / 002187	THCS Đồng Cẩm	X. KIM THÀNH	7,30	
287	ĐOÀN THỊ YẾN	NHI	102 / 002257	THCS Ngọc Sơn	P. TÂN HUNG	7,25	
288	NGUYỄN THỊ KIM	ANH	098 / 002171	THCS An Sơn	X. THÁI TÂN	7,20	
289	VŨ THÚY	AN	057 / 001264	THCS An Đà	P. GIA VIÊN	7,15	
290	LÊ MINH	CHÂU	058 / 001291	THCS Trần Phú	P. PHỦ LIẾN	7,15	
291	NGUYỄN KHÁNH	DIỆP	058 / 001300	TH-THCS Nghĩa Lộ	ĐẶC KHU CÁT HẢI	7,15	
292	ĐỖ THỊ THÙY	DƯƠNG	099 / 002197	THCS Hà Thanh	X. NGUYỄN GIÁP	7,15	
293	PHẠM THỊ HIỀN	THÁI	103 / 002280	THCS Việt Hồng	X. HÀ BẮC	7,15	
294	NGUYỄN NGỌC	ANH	057 / 001277	THCS Lê Lợi	P. AN DƯƠNG	7,10	
295	PHẠM THỊ MINH	THU	062 / 001388	THCS Lưu Kiếm	P. LƯU KIẾM	7,10	
296	HOÀNG	YẾN	063 / 001425	THCS Đa Phúc	P. HUNG ĐẠO	7,10	
297	CHU MINH	DIỆP	099 / 002192	THCS Bình Minh	P. LÊ THANH NGHỊ	7,10	
298	LÊ THỊ	HUYỀN	100 / 002220	THCS Hồng Hưng	X. GIA PHÚC	7,10	
299	VŨ THỊ	LOAN	101 / 002238	THCS Lai Cách	P. VIỆT HOÀ	7,10	
300	NGUYỄN NGỌC MINH	CHÂU	058 / 001292	TH-THCS Vạn Hương	P. ĐỒ SƠN	7,05	
301	PHẠM NGUYỄN MINH	CHÂU	058 / 001293	THCS Chu Văn An	P. GIA VIÊN	7,00	
302	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	LINH	059 / 001333	THCS Đông Tây Hưng	X. CHẤN HUNG	7,00	
303	ĐỒNG THỊ KIM	LOAN	060 / 001341	THCS Lý Tự Trọng	P. GIA VIÊN	7,00	
304	NGUYỄN THỊ NGỌC	MAI	060 / 001347	THCS Bàn La	P. NAM ĐỒ SƠN	7,00	
305	ĐỖ LÊ YẾN	NHI	061 / 001365	THCS An Hưng	P. HỒNG AN	7,00	
306	NGUYỄN THỊ HOÀI	PHƯƠNG	061 / 001377	THCS Trường Thọ	X. AN TRƯỜNG	7,00	
307	TRẦN THỊ THU	THẢO	062 / 001386	THCS Võ Thị Sáu	P. AN BIÊN	7,00	
308	HỒ BẢO	THANH	103 / 002282	THCS Quang Minh	X. TRƯỜNG TÂN	6,90	
309	NGUYỄN THỊ MAI	HẠNH	100 / 002208	THCS Tân Hưng	P. TÂN HUNG	6,85	
310	NGUYỄN THU	THẢO	062 / 001385	THCS An Dương	P. AN DƯƠNG	6,80	
311	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	102 / 002260	THCS Cổ Dũng	X. LAI KHÉ	6,80	
312	PHẠM QUANG	HIẾU	059 / 001316	THCS Đông Thái	P. AN HẢI	6,75	

STT	HỌ VÀ TÊN		P.TH/SD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
313	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	ANH	098 / 002172	THCS Văn An	P. CHU VĂN AN	6,75	
314	PHẠM PHƯƠNG	DUNG	099 / 002196	THCS Vĩnh Hưng	X. KẾ SẮT	6,75	
315	NGUYỄN THỊ THU	HUYỀN	100 / 002223	THCS Cổ Dũng	X. LAI KHÊ	6,75	
316	ĐÀO PHƯƠNG	ANH	057 / 001267	THCS Lý Tự Trọng	P. GIA VIÊN	6,70	
317	PHẠM NGỌC	CHI	058 / 001297	THCS Minh Tân	X. KIẾN MINH	6,70	
318	NGUYỄN THỊ QUỲNH	CHI	099 / 002188	THCS Thạch Khôi	P. THẠCH KHÔI	6,60	
319	BÙI ĐỖ LÂM	NHƯ	061 / 001374	THCS Quảng Thanh	P. LÊ ÍCH MỘC	6,55	
320	TRẦN MINH	THƯ	062 / 001397	THCS Đăng Hải	P. HẢI AN	6,45	
321	LÊ PHƯƠNG	KHÁNH	059 / 001321	THCS Hồng Bàng	P. HỒNG BÀNG	6,40	

(Danh sách gồm: 321 thí sinh)

